

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KT  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1968, (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường 2, thị xã KT, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1967, (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường 2, thị xã KT, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Võ Thị Kim T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Bà T và ông Nguyễn Thanh P tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MH (nay là Phường 1, thị xã KT). Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông P thường xuyên uống rượu say về la mắng và nhiều lần đánh đập bà, bà đã chịu đựng từ khi các con còn nhỏ đến nay, ông P cũng đã nhiều lần yêu cầu bà làm đơn ly hôn. Do mâu thuẫn giữa hai bên không thể hòa giải nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Có 03 con chung đã trưởng thành, đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, tên các con gồm Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngân L, sinh năm 2001.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Ông P thống nhất với phần trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, về thời gian chung sống, giữa ông và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MH (nay là Phường 1, thị xã KT). Ông P thừa nhận trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, thỉnh thoảng ông có uống rượu say có la mắng, có đánh bà T. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì hiện tại giữa ông và bà T còn nhiều vấn đề chưa giải quyết xong, trong đó có việc cho tài sản cho các con.

Về con chung: Ông P và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngân L, sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Kim T nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Thanh P có địa chỉ cư trú tại Phường 2, thị xã KT nên căn cứ Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ phần trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp thể hiện bà T và ông P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MH (nay là Phường 1, thị xã KT) ngày 08/9/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể gàn gấn nguyên nhân do ông P thường uống rượu say về chửi và đánh đập bà T. Bị đơn ông P thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày. Ông P không đồng ý ly hôn với lý do giữa ông P và bà T chưa thỏa thuận được việc cho tài sản cho các con. Xét thấy lý do mà ông P đưa ra không phải là lý do chính đáng nên không có căn cứ xem xét.

Qua đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông P có 03 con chung đã trưởng thành, tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngân L, sinh năm 2001. Bà T và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, các bên trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000651 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Bà Võ Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Kim T, ông Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Tuyết Nhung**